

Số: 37 /2024/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phê duyệt, sử dụng, khai thác, quản lý
Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động
trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*
*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*
*Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông
tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ
quan nhà nước;*
*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2793/TTr-SNV ngày
28 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo số 128/BC-SNV ngày 01 tháng 8 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phê duyệt, sử dụng, khai thác, quản lý Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *ll*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban đảng tỉnh và Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. (SL: 60b).

E/Hài-VX/8.2024



Võ Tấn Đức



QUY CHẾ

Phê duyệt, sử dụng, khai thác, quản lý

Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động
trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, cách thức tạo lập, cập nhật, phê duyệt, sử dụng, khai thác, quản lý Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và đồng bộ Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị, địa phương về Cơ sở dữ liệu Quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý.

2. Các nội dung không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã (sau đây viết tắt là cán bộ, công chức, viên chức); người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động (sau đây viết tắt là người lao động) trong các cơ quan, đơn vị sau:

1. Các sở, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học (sau đây gọi chung là Sở, ban, ngành và tương đương); các phòng, ban, chi cục thuộc Sở (sau đây gọi chung là Chi cục và tương đương);

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã;

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập gồm: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, ban, ngành và tương đương, Chi cục và tương đương; các đơn vị sự nghiệp công lập

trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Công tác cập nhật, phê duyệt, sử dụng, khai thác, quản lý Cơ sở dữ liệu của tỉnh được thực hiện thống nhất, đồng bộ, khoa học, phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin của từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kể từ khi được tuyển dụng, ký hợp đồng lao động cho đến khi không còn làm việc tại các cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành; tập trung tối đa nguồn lực, rút ngắn thời gian trong việc thu thập, chỉnh sửa, cập nhật thông tin cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước.

2. Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật có liên quan và phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Dữ liệu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định của pháp luật; được quản lý theo độ hạn chế tiếp cận, mã hóa một số trường thông tin để bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin trong công tác cán bộ. Việc xác định độ hạn chế tiếp cận của dữ liệu thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

4. Người có thẩm quyền được truy cập, nghiên cứu, sử dụng và khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh theo quy định của pháp luật, trừ thông tin của cá nhân người đó hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Không yêu cầu khai báo lại các thông tin, dữ liệu đã có trong Cơ sở dữ liệu của tỉnh, trừ trường hợp phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu.

6. Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp về công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm đôn đốc việc cập nhật kịp thời, chính xác và đầy đủ thông tin cá nhân hiện có vào Cơ sở dữ liệu của tỉnh.

Điều 4. Các hành vi không được làm

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, các hành vi khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

TẠO LẬP, CẬP NHẬT, PHÊ DUYỆT, SỬ DỤNG, KHAI THÁC, QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI

Điều 5. Tạo lập hồ sơ, cập nhật, sửa đổi, bổ sung thông tin

1. Chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu của tỉnh

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức: Sử dụng mẫu sơ yếu lý lịch tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu của tỉnh.

b) Đối với người lao động: Sử dụng mẫu hợp đồng lao động tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BNV ngày 03 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn mẫu hợp đồng dịch vụ và mẫu hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu của tỉnh.

2. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu của tỉnh có trách nhiệm tạo lập tài khoản cơ quan và phân quyền quản lý tài khoản người dùng (khi có yêu cầu bằng văn bản). Cơ quan trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm tạo lập tài khoản cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan mình.

3. Cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm truy cập vào tài khoản cá nhân để nhập thông tin của mình hoặc cập nhật thông tin khi có thay đổi, hiệu chỉnh vào Cơ sở dữ liệu của tỉnh, kèm theo bản số hóa của tài liệu đã được cấp có thẩm quyền xác nhận; thông tin phải đầy đủ, thống nhất, chính xác theo sơ yếu lý lịch hoặc mẫu hợp đồng lao động đã được cấp có thẩm quyền quản lý xác nhận bảo đảm phù hợp với tài liệu kiểm chứng hoặc hồ sơ gốc.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức,

viên chức, người lao động có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vào Cơ sở dữ liệu của tỉnh; phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt dữ liệu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 6. Phê duyệt Cơ sở dữ liệu

1. Kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện rà soát, ký số phê duyệt bằng chữ ký số đối với tất cả hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý và thực hiện đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

2. Trong vòng 05 (năm) ngày cuối mỗi tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 06/2023/TT-BNV, người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc người được ủy quyền (bằng văn bản) có trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt bằng chữ ký số đối với hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tạo lập mới hoặc hồ sơ cập nhật dữ liệu tại Cơ sở dữ liệu của tỉnh theo phân cấp quản lý.

3. Trường hợp thông tin hồ sơ trên Cơ sở dữ liệu của tỉnh chưa đủ hoặc không đúng với thông tin trong hồ sơ được quản lý tại cơ quan, đơn vị, địa phương thì không thực hiện xác nhận, đồng thời yêu cầu cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bổ sung, điều chỉnh thông tin theo quy định.

4. Trong vòng 05 ngày đầu mỗi tháng tiếp theo, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu của tỉnh có trách nhiệm phê duyệt bằng chữ ký số dữ liệu của tỉnh tại Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Điều 7. Sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu của tỉnh bằng tài khoản được cấp theo địa chỉ: <https://dongnai.vnerp.vn>

2. Sở Nội vụ sử dụng, khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bằng tài khoản do Bộ Nội vụ cung cấp và truy cập thông qua cổng thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước tại địa chỉ <https://ccvc-portal.moha.gov.vn> (sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước) hoặc sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên cơ sở bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Sở Nội vụ sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu của tỉnh để tổng hợp, phân tích đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tổ chức bộ máy; biên chế và các nội dung khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Nội vụ; phục

vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ; kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu của tỉnh lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được khai thác, sử dụng dữ liệu tổng hợp, phân tích chung, dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị mình trên Cơ sở dữ liệu của tỉnh theo các quy trình nghiệp vụ, các chức năng tìm kiếm, tổng hợp, thống kê và kết xuất thông tin tại phần mềm của đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, phê duyệt theo quy định, đảm bảo các nguyên tắc của Quy chế này và các quy định khác có liên quan về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước.

5. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được khai thác, sử dụng dữ liệu của mình trên Cơ sở dữ liệu của tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức được giao quản lý Cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 12 Quy chế này được sử dụng, khai thác, quản lý dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

6. Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên Cơ sở dữ liệu của tỉnh khi được xuất theo định dạng văn bản điện tử, được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật thì văn bản điện tử đó có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy.

Điều 8. Lưu trữ Cơ sở dữ liệu

1. Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu của tỉnh và được sao lưu định kỳ hàng tháng, tối thiểu ba tháng trên phương tiện lưu trữ chuyên dùng để dự phòng rủi ro.

2. Việc lưu trữ, sao lưu phải tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu, bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, an toàn, an ninh thông tin.

Điều 9. Chuyển giao, tiếp nhận Cơ sở dữ liệu

1. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác (sau đây gọi là thay đổi công tác) từ các cơ quan, đơn vị do bộ, ngành quản lý hoặc do các tỉnh, thành phố khác quản lý về cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh thì đồng thời với việc chuyển giao hồ sơ theo quy định, cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan thực hiện như sau:

a) Kể từ ngày nhận chuyển giao hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư số 06/2023/TT-BNV, cơ quan, đơn vị tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức tạo lập tài khoản cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức

được tiếp nhận; có văn bản đề nghị Sở Nội vụ đồng bộ dữ liệu của cán bộ, công chức, viên chức đó từ Cơ sở dữ liệu quốc gia của cơ quan, đơn vị cũ về Cơ sở dữ liệu của tỉnh.

b) Cơ quan, đơn vị tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm kiểm tra thông tin, dữ liệu và tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và theo quy định của cơ quan quản lý nếu có sự thay đổi về thông tin.

2. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thay đổi công tác chuyển đến cơ quan, đơn vị, bộ phận mới trong cùng cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức thì cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng có trách nhiệm điều chuyển hồ sơ trên phần mềm đến cơ quan, đơn vị, bộ phận mới (ngay sau khi văn bản có hiệu lực).

3. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thay đổi công tác chuyển đến cơ quan, đơn vị mới thì cơ quan, đơn vị sử dụng nơi cán bộ, công chức, viên chức đã công tác trước đây chuyển hồ sơ trên phần mềm đến cơ quan, đơn vị mới (ngay sau khi văn bản có hiệu lực).

Sau khi tiếp nhận hồ sơ trên phần mềm, cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm tạo lập, bàn giao tài khoản cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức để kiểm tra thông tin, dữ liệu và tổ chức thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và theo quy định của cơ quan quản lý nếu có sự thay đổi về thông tin.

4. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thay đổi công tác chuyển đến từ khối Đảng, đoàn thể hoặc từ cơ quan, đơn vị không cùng hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức (trong trường hợp không thể đồng bộ, chia sẻ dữ liệu) thì cơ quan, đơn vị mới thực hiện việc tạo lập hồ sơ mới cho cán bộ, công chức, viên chức và cập nhật dữ liệu theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

5. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thay đổi công tác chuyển đến cơ quan, đơn vị khác của Nhà nước mà không thuộc thẩm quyền quản lý dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của Cơ sở dữ liệu của tỉnh; chuyển công tác ra khỏi cơ quan, đơn vị của Nhà nước; nghỉ hưu; thôi việc, qua đời thì cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện điều chỉnh tình trạng hồ sơ tương ứng trên Cơ sở dữ liệu của tỉnh.

Điều 10. Kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) tổ chức xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu; cập nhật, kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu của tỉnh

với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành với Cơ sở dữ liệu của tỉnh thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước) theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện ký số phê duyệt hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý khi đồng bộ dữ liệu cơ quan, đơn vị, địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo quy định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TRONG VIỆC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 11. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

1. Chấp hành quy định tại Quy chế này và các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu của tỉnh.

2. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được cung cấp 01 tài khoản để truy cập vào Cơ sở dữ liệu của tỉnh; chịu trách nhiệm cập nhật đúng, đủ, chính xác, kịp thời và bảo đảm tính xác thực của các dữ liệu, tài liệu cung cấp kèm theo dữ liệu cá nhân của mình trước pháp luật và trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cập nhật dữ liệu, thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu khi có sự thay đổi hoặc có sai sót đối với dữ liệu mình cung cấp.

Điều 12. Trách nhiệm của công chức, viên chức được giao thực hiện công tác quản lý Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị, địa phương và Cơ sở dữ liệu của tỉnh

1. Cá nhân được giao thực hiện quản lý, sử dụng, khai thác thông tin trên Cơ sở dữ liệu của tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương, gồm:

a) Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Người đứng đầu bộ phận văn phòng, tổ chức cán bộ hoặc Trưởng

phòng Phòng Nội vụ cấp huyện.

c) Người phụ trách công nghệ thông tin được giao nhiệm vụ quản lý Cơ sở dữ liệu của tỉnh.

d) Người được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu của tỉnh.

đ) Trường hợp do yêu cầu công việc, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định người được khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu của tỉnh bằng văn bản và chịu trách nhiệm về quyết định này.

2. Các cá nhân tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm như sau:

a) Chấp hành quy định về các hành vi không được làm quy định tại Điều 4 Quy chế này.

b) Thông qua nghiệp vụ kỹ thuật, tổ chức việc bảo quản, lưu trữ Cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị, địa phương; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định pháp luật.

c) Chịu trách nhiệm cung cấp dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chính xác, kịp thời theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

d) Nghiên cứu, phát hiện các vấn đề chưa rõ hoặc mâu thuẫn trong Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và những vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý Cơ sở dữ liệu xem xét, xử lý.

đ) Đôn đốc việc hoàn thiện đầy đủ các trường thông tin trong dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

e) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo yêu cầu công việc.

g) Chịu trách nhiệm bảo đảm bí mật, an toàn thông tin của Cơ sở dữ liệu của tỉnh. Không tiết lộ, cung cấp thông tin tài khoản cơ quan, đơn vị và tài khoản người dùng nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan, cấp có thẩm quyền về việc vi phạm các quy định về bảo đảm bí mật, an toàn thông tin.

h) Trường hợp vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

1. Quản lý tài khoản được giao; cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu theo phân cấp quản lý.

2. Tổ chức thực hiện việc quản lý, cập nhật, bổ sung thông tin, chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo phân cấp quản lý được quy định tại Quy chế này và quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong phạm vi quản lý. Tham mưu xem xét, xử lý vi phạm cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân không cập nhật dữ liệu, có sai phạm trong cập nhật dữ liệu và bảo quản cơ sở dữ liệu theo phân cấp quản lý.

4. Thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc (nếu có) triển khai các nội dung theo yêu cầu về việc cập nhật, bổ sung, phê duyệt, quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại Quy chế này.

2. Hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc cập nhật thông tin hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị trực thuộc (nếu có) theo định kỳ hàng tháng; xem xét, xử lý vi phạm của cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân không thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

3. Định kỳ hàng năm (chậm nhất ngày 10 tháng 01 năm sau) báo cáo tình hình sử dụng, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của năm trước liền kề về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ). Nội dung báo cáo bao gồm: Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hiện có được chia theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, vị trí việc làm; phản ánh kịp thời vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, nâng cấp Cơ sở dữ liệu; đảm bảo bảo mật, an toàn, an ninh thông tin mạng của Cơ sở dữ liệu; định kỳ kiểm tra lưu trữ, sao lưu dữ liệu; cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu

trong Cơ sở dữ liệu của tỉnh, Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP; hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức, viên chức làm công tác quản lý Cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu cần thiết).

2. Bổ sung việc cập nhật đầy đủ, thường xuyên và sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thành một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại cải cách hành chính và đánh giá công vụ hàng năm.

3. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc cập nhật, phê duyệt, quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu của tỉnh; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý kỷ luật hoặc khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có thành tích hoặc vi phạm trong việc thực hiện Quy chế này theo quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa phần mềm quản lý Cơ sở dữ liệu; kinh phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho công chức, viên chức làm công tác quản lý Cơ sở dữ liệu từ nguồn ngân sách của tỉnh.

5. Định kỳ hàng năm (chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau) tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của năm trước liền kề về Bộ Nội vụ.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Thường xuyên rà soát, cập nhật mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành để phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

2. Đảm bảo hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu ổn định, thông suốt, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấp độ an toàn thông tin theo quy định để kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

3. Phối hợp với Sở Nội vụ định kỳ kiểm tra việc lưu trữ, sao lưu Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên Phần mềm quản lý Cơ sở dữ liệu.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định kinh phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa phần mềm quản lý Cơ sở dữ liệu; kinh phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho công chức, viên chức làm công tác quản lý Cơ sở dữ liệu từ nguồn ngân sách của tỉnh.

11

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc phê duyệt, sử dụng, khai thác, quản lý Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Đồng Nai là một trong những tiêu chí để xem xét, khen thưởng hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cá nhân có thành tích xuất sắc.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để được xem xét, giải quyết theo quy định. / 